

Số: /BC-CTK

Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và 7 tháng đầu năm 2024

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thời tiết thuận lợi với đa số các loại cây trồng, cây hàng năm vụ đông xuân và hè thu cơ bản thu hoạch xong, tập trung chỉ đạo xuống giống lúa thu đông; cây ăn trái vào mùa thu hoạch với năng suất, giá bán cao hơn so cùng kỳ; chăn nuôi gia súc, gia cầm ổn định, đàn heo tiếp tục tăng số đầu con và sản lượng xuất chuồng. Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng sản lượng thủy sản tăng 11,32% so với cùng kỳ.

a) Nông nghiệp

Cây lúa: Tính đến ngày 15/7/2024, tổng diện tích gieo trồng lúa được 207.188 ha, tăng 0,83% so với cùng kỳ. Cụ thể: Lúa đông xuân gieo trồng được 72.813 ha, giảm 2,95% hay 2.215 ha so với cùng kỳ năm trước, đã thu hoạch xong với năng suất ước đạt 74,97 tạ/ha, sản lượng 545.891 tấn, giảm 2,48% so với cùng kỳ. Lúa hè thu gieo trồng được 71.280 ha, giảm 2,30% so với cùng kỳ, đã thu hoạch xong với năng suất ước đạt 58,29 tạ/ha, sản lượng 415.470 tấn, tăng 4,82% so với cùng kỳ; lúa thu đông gieo trồng được 63.095 ha, tăng 9,74% so với cùng kỳ, lúa đang trong giai đoạn sinh trưởng và phát triển tốt. Ngành Nông nghiệp tiếp tục duy trì và thực hiện 143 mô hình cánh đồng lớn với tổng diện tích 36.471 ha, tăng 1,10% so với năm 2023, có 57% diện tích, tương đương 20.643 ha thực hiện cánh đồng lớn được bao tiêu sản phẩm với giá thỏa thuận, thu mua lúa vào cuối vụ.

Cây hàng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng rau màu, đậu các loại được 10.845 ha, giảm 10,31% so với cùng kỳ, với sản lượng 89.369 tấn, giảm 7,29% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, cây ngô, rau các loại, cây màu khác giảm so với cùng kỳ, riêng cây đậu các loại tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước.

Cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm đạt 27.026 ha, tăng 4,26% so cùng kỳ, trong đó diện tích cây ăn quả đạt 25.660 ha, chiếm 94,95% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 4,56% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây ăn trái ngày càng mở rộng, hình thành vùng sản xuất tập trung cây ăn trái chủ lực, hình thành các sản phẩm đặc trưng có thương hiệu và vùng sản xuất tập trung với diện tích 12.673 ha, đạt sản lượng gần 140 nghìn tấn, gồm các loại cây trồng như: Dâu Hạ Châu Phong Điền, Sầu Riêng, Xoài Cát Hòa Lộc Sông Hậu, Nhãn, Vú sữa Phong Điền.

Ngày 05-09/7/2024, Ngày hội Du lịch sinh thái Phong Điền - Cần Thơ lần thứ XI diễn ra tại quảng trường huyện Phong Điền. Trong dịp này, các điểm du lịch, vườn trái cây tại Phong Điền thu hút nhiều du khách đến tham quan, trải

nghiệm. Sự kiện nhằm giới thiệu các loại trái cây đặc sản, ẩm thực, sản phẩm du lịch độc đáo của Cần Thơ nói chung và Phong Điền nói riêng. Qua đó, phát huy loại hình du lịch sinh thái; tạo cơ hội đề các điểm vườn, doanh nghiệp du lịch kết nối xây dựng tour tuyến thu hút du khách đến Phong Điền.

Diện tích trồng cây ăn quả ở TP Cần Thơ và nhiều địa phương trong nước liên tục tăng, đóng góp ngày càng lớn vào giá trị sản xuất nông nghiệp, giúp nâng cao thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, việc tăng diện tích trồng cây ăn quả cũng tạo ra nhiều áp lực và lo lắng cho nông dân về đầu ra sản phẩm. Trước thực tế đó, ngành Nông nghiệp đã tích cực hỗ trợ nông dân trồng cây ăn quả theo hướng chuyên canh, đạt các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và có mã số vùng trồng, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

Chăn nuôi: Tính đến thời điểm đầu tháng 7/2024, đàn trâu với số lượng hiện có 248 con, giảm 12,68% so với cùng kỳ; đàn bò 3.850 con, giảm 11,92%; đàn lợn 129.570 con, tăng nhẹ 0,97%. Tính chung 7 tháng/2024, sản lượng thịt heo xuất chuồng ước đạt 15.174 tấn, tăng 3,27% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 5.902 tấn, tăng 9,32% và sản lượng trứng gia cầm đạt 82.338 nghìn quả, tăng 20,06% (trứng gà 4.402 nghìn quả, tăng 3,31%).

b) Lâm nghiệp: Ước tính đến tháng 7/2024, toàn thành phố trồng được khoảng 390 nghìn cây phân tán. Sản lượng gỗ khai thác khoảng 230 m³, giảm 11,54% so với cùng kỳ; củi khai thác 4.500 Ste, giảm 2,20% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng/2024, lượng gỗ khai thác khoảng 2.356 m³, giảm 4,62% so với cùng kỳ; củi khai thác 28.300 Ste, giảm 3,67% so với cùng kỳ.

c) Thủy sản: Tháng 7/2024, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 3.072 ha, tăng 5,79% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 625 ha, tăng 2,97% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 14.700 tấn (chủ yếu sản lượng cá), tăng 8,54% so với cùng kỳ, trong đó: nuôi trồng 13.666 tấn, tăng 8,89% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng/2024, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 137.963 tấn, tăng 11,32% so với cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 134.669 tấn, tăng 11,27% (tập trung chủ yếu ở cá tra) và sản lượng thủy sản khai thác 3.294 tấn, tăng 13,04% so với cùng kỳ.

Hình 1. Sản lượng thủy sản 7 tháng năm 2024 (So với cùng kỳ năm trước)



Sản lượng cá tra tăng so với cùng kỳ, do năm 2023 ảnh hưởng của xung đột Nga - Ukraine cùng với hậu quả tác động của dịch Covid-19, làm phát ở các thị trường lớn như Mỹ, EU, khiến người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu, dẫn tới xuất khẩu cá tra của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản, xuất khẩu cá tra nửa đầu năm 2024 đạt 922 triệu USD, tăng gần 6% so với cùng kỳ 2023, đây là dấu hiệu khả quan cho 6 tháng cuối năm 2024 với nhiều đơn hàng mới, khi lượng tồn kho tại các quốc gia này đang giảm.

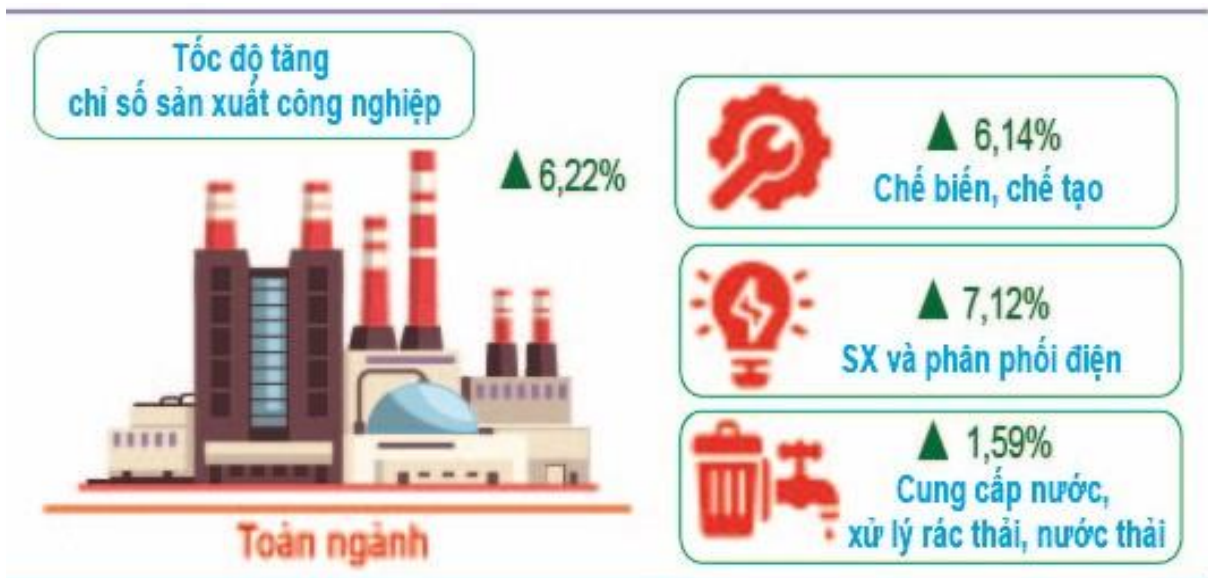
2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng Bảy tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực hơn so với tháng trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Bảy ước tính tăng 4,82% so tháng trước và tăng 13,43% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,22% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2024 ước tính tăng 4,82% so tháng trước và tăng 13,43% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 15,60%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,63%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,70%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 6,22% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 6,14%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,12%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,59%.

Hình 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng đầu năm 2024

(So với cùng kỳ năm trước)



Trong 7 tháng đầu năm nay, một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao so với cùng kỳ: Sản xuất trang phục tăng 66,55%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 25,42%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 25,33%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 25,05%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 17,41%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 16,84%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 16,72%... Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi

kim loại khác giảm 0,25%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 0,39%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 1,18%; dệt giảm 2,93%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 3,70%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 4,83%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 38,90%.

Một số sản phẩm công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác tăng hơn 2 lần; phân khoáng và phân hóa học NPK tăng 98%; quần áo may sẵn tăng 95,04%¹; phi lê đông lạnh tăng 29,27%²; đinh, đinh mũ, ghim dập tăng 25,33%; thức ăn gia súc tăng 21,57%; thuốc lá có đầu lọc tăng 17,41%³; điện thương phẩm tăng 12,28%; sắt thép tăng 10,06%; tôm đông lạnh tăng 4,28%; xay xát gạo tăng 0,94%; ... Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ: Dược phẩm chứa hóa chất nhưng không có kháng sinh dạng viên giảm 0,97%; xi măng giảm 1,55%; bia đóng lon giảm 2,55%; thức ăn thủy sản giảm 27,97%⁴.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 7/2024 ước giảm 3,41% so với tháng trước và tăng 0,54% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 7 tháng/2024, giảm 1,70% so với cùng kỳ. Tình hình tiêu thụ sản phẩm công nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, một số ngành có mức tiêu thụ giảm là: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao;... Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp tại Cần Thơ đang chuyển dần sản xuất sang các công ty con và chi nhánh đặt ở địa bàn tỉnh khác, vì vậy sản xuất giảm và tiêu thụ cũng giảm, cụ thể như: Ngành sản xuất thuốc tây, sản xuất xi măng,...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/7/2024 tăng 15,54% so với tháng cùng kỳ và tăng 5,82% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ, như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá⁵; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)⁶; chế biến, bảo quản

¹ Ngành dệt may ở Việt nam nói chung, tại Cần Thơ nói riêng đang có nhiều khởi sắc, hầu hết các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu kiềm chế được lạm phát giúp sức mua tăng lên. Một số doanh nghiệp may mặc tại Cần Thơ, nhận được đơn hàng xuất khẩu và gia công sản phẩm sang thị trường Mỹ, ước sản xuất sản phẩm bộ com-ple, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dai, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc 7 tháng đầu năm đạt 3,99 triệu cái.

² Xuất khẩu thủy sản có nhiều chuyên biến tích cực, 7 tháng đầu năm 2024, sản phẩm phi lê đông lạnh đạt 158,77 nghìn tấn, tăng 29,27% so với cùng kỳ, một số doanh nghiệp đối tác ở thị trường nước ngoài đang có nhiều hoạt động đưa sản phẩm đến gần người tiêu dùng, điều này góp phần tăng tiêu thụ thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp chế biến thủy sản tại Cần Thơ ký được hợp đồng xuất khẩu cá tra phi lê sang thị trường Mỹ, Canada, Trung Quốc...

³ Tình hình tiêu thụ thuốc lá thuận lợi, nhiều đối tác và đại lý tăng sản lượng đặt hàng 7 tháng/2024 đạt 76,91 triệu bao.

⁴ 7 tháng/2024 ước đạt 363,38 nghìn tấn, tình hình sản xuất sản phẩm vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức từ thị trường, đơn đặt hàng từ các đại lý giảm, nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản và nuôi trồng thủy sản hoạt động theo mô hình khép kín, từ khâu nuôi trồng đến khâu sản xuất thức ăn và chế biến thủy sản, vì vậy sản lượng sản xuất sản phẩm thức ăn thủy sản giảm.

⁵ Tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp đang gặp nhiều thuận lợi, doanh nghiệp tăng cường sản xuất để có đủ nguồn sản phẩm dự trữ cung ứng ra thị trường.

⁶ Theo báo cáo của công ty sản xuất chăn mền lông vũ, tình hình kinh doanh của đơn vị đang gặp nhiều khó khăn, đơn hàng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp giảm, doanh nghiệp đang chật vật trong việc tìm kiếm các đơn hàng mới, vì vậy lượng tồn kho sản phẩm của đơn vị tăng cao.

thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản⁷; sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao; ... Bên cạnh đó, có chỉ số tồn kho giảm so với cùng kỳ, như: Xây xát và sản xuất bột thô⁸; may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;...

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tháng 7/2024 tăng 1,46% so tháng trước và tăng 7,47% so với cùng kỳ năm trước; lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước ước tăng 0,58% so tháng trước và tăng 1,85% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp ngoài nhà nước ước tăng 0,04% so với tháng trước và giảm 1,60% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tăng 3,35% so với tháng trước và tăng 21,95% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng/2024, chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp tăng 3,51% so với cùng kỳ.

Theo báo cáo của doanh nghiệp sản xuất để giày có vốn nước ngoài, hiện nay, đơn vị đang mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tuyển dụng thêm lao động, vì vậy số lao động của doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước tháng Bảy được các cấp, các ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 45,44% kế hoạch, tăng 7,88% so với cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm đến nay, thu hút được 02 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn đăng ký 0,23 triệu USD.

a) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

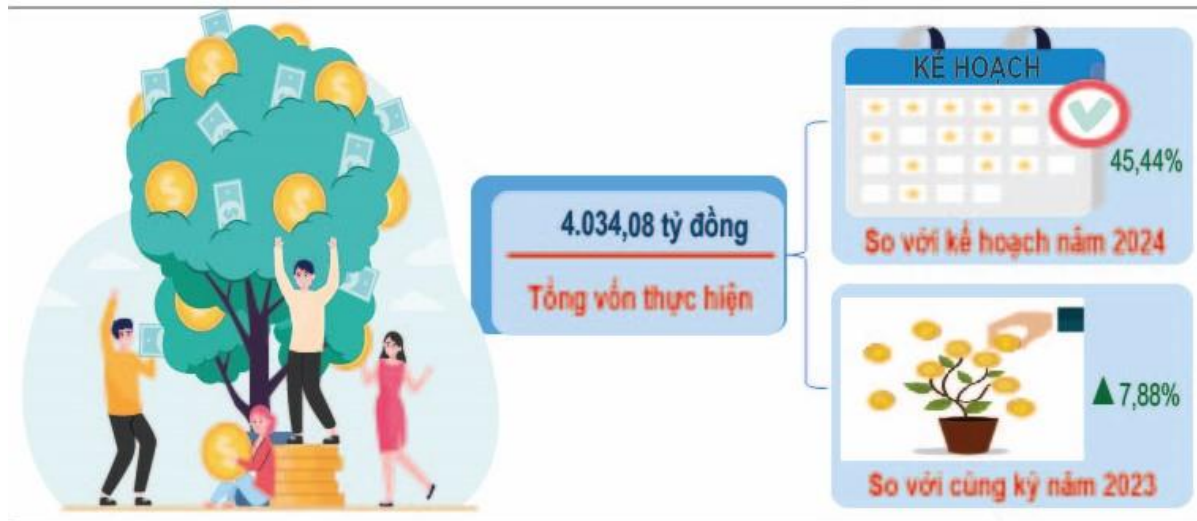
Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Bảy ước tính đạt 715,64 tỷ đồng, tăng 5,04% so với tháng trước và tăng 8,88% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 507,42 tỷ đồng, tăng 4,98% và tăng 5,76%; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 208,22 tỷ đồng, tăng 5,17% và tăng 17,30%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư ước thực hiện 4.034,08 tỷ đồng, tăng 7,88% so với cùng kỳ năm trước và đạt 45,44% kế hoạch năm 2024 (đã điều chỉnh). Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 2.745,90 tỷ đồng, tăng 6,40% so với cùng kỳ năm trước và đạt 46,17% kế hoạch năm; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 1.288,18 tỷ đồng, tăng 11,16% so với cùng kỳ và đạt 64,83% kế hoạch năm.

⁷ Theo báo cáo của các công ty chế biến thủy sản, khách hàng ở một số thị trường truyền thống như Mỹ, Canada, Trung Quốc... đang có mức tiêu thụ tốt, doanh nghiệp ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu hơn so với những tháng đầu năm và so với cùng kỳ, doanh nghiệp đang tăng cường sản xuất để có đủ hàng hóa giao cho đối tác, lượng hàng tồn kho tại doanh nghiệp tăng khi chưa đến thời điểm giao hàng theo hợp đồng đã ký kết.

⁸ Hiện nay, đã thu hoạch xong vụ lúa hè thu, thêm vào đó, tình hình xuất khẩu gạo từ đầu năm đến nay khá thuận lợi, vì vậy lượng hàng tồn kho sản phẩm ngành xay xát không nhiều. Chỉ số tồn kho ngành xay xát và sản xuất bột thô ước 7 tháng đầu năm 2024 giảm 24,74% so với cùng kỳ.

Hình 3. Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước 7 tháng năm 2024
(So với cùng kỳ năm trước)



Dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố: (1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương. Kế hoạch vốn năm 2024 là 1.500 tỷ đồng. Tiến độ thi công đến nay cơ bản đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch, những ngày cuối tháng 6/2024, UBND thành phố đã phê duyệt phương án di dời đường điện trung thế, cao thế đi qua đường cao tốc. Hiện nay, nhà thầu thi công đã huy động máy móc thiết bị, xà lan và đang khẩn trương khai thác mỏ cát nằm trên sông Hậu thuộc xã An Thạnh 1 và An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng phục vụ thi công gói thầu số 11 thuộc dự án thành phần 4. Đến nay, nguồn vật liệu cát san lấp cơ bản đã được giải quyết về trữ lượng. Tuy nhiên, tiến độ khai thác mới chỉ đạt khoảng 30% nhu cầu. Tiến độ giải phóng mặt bằng đạt trên 99% kế hoạch, còn 1 số trường hợp bị ảnh hưởng chưa bàn giao mặt bằng và công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là 15 vị trí đường điện cao thế; (2) Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang, có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Tiến độ thi công dự án đang bị chững lại, do ảnh hưởng tiến độ di dời bãi rác, hơn nữa các nhà máy xử lý rác trên địa bàn đang quá tải, nên phương án di dời hiện tại được thực hiện bằng hình thức gom rác qua 2 bên đường để thuận tiện cho việc thi công.

Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố: (1) Dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3), có tổng mức đầu tư hơn 9.167 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ODA, do Ban Quản lý ODA làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 1.875,8 tỷ đồng; (2) Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C dự án do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 310 tỷ đồng. Dự án đang chờ điều chỉnh tổng mức đầu tư, nguyên nhân do giá đất tăng

cao, dự án đã bị vượt chi phí giải phóng mặt bằng đã được duyệt dẫn đến vượt tổng mức đầu tư ban đầu, dự án đã khởi công thực hiện 04/7 gói thầu xây lắp, sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án sẽ tiến hành thực hiện 03/7 gói thầu xây lắp còn lại của dự án; (3) *Dự án cải tạo, mở rộng 5 nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều*, có tổng mức đầu tư trên 1.200 tỷ đồng, do Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều làm chủ đầu tư. Hiện nay, dự án đã hoàn thành công tác kiểm kê nhà và vật kiến trúc. Dự kiến tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng vào quý III/2024, sẽ triển khai thi công nút giao số 1 và số 4 trong quý IV/2024; (4) *Dự án nâng cấp và mở rộng đường nối từ đường Lê Hồng Phong đến Cảng Hàng không Quốc tế Cần Thơ*, có tổng mức đầu tư trên 137 tỷ đồng, do Ban Quản lý dự án đầu tư làm chủ đầu tư. Nhà thầu đã hoàn tất việc thẩm nhạ mặt đường trên toàn tuyến, đơn vị thi công đang thực hiện các hạng mục phụ trợ như trồng cây xanh, lát gạch lề bộ và kẻ tim đường để đưa vào sử dụng phục vụ nhu cầu đi lại của người dân; (5) *Dự án Thu viện thành phố Cần Thơ*, có tổng mức đầu tư gần 150 tỷ đồng do Ban Quản lý dự án đầu tư làm chủ đầu tư. Hiện nay, chủ đầu tư đang tiến hành lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, trình thẩm quyền duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, dự kiến sẽ khởi công công trình vào quý III/2024.

Ngoài những dự án nêu trên, thành phố còn một số dự án trọng điểm đã được phê duyệt, đang trong giai đoạn chuẩn bị và hoàn thiện thủ tục ban đầu sẽ khởi công trong thời gian tới, như: Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Khu hành chính thành phố Cần Thơ,...

b) Thu hút đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Trong tháng 7 năm 2024, thành phố chưa thu hút được dự án mới, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án, vốn đầu tư 600 tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, thành phố có 3 dự án mới, vốn đầu tư đăng ký 727,135 tỷ đồng (02 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, 01 dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư); điều chỉnh 03 dự án (01 dự án giảm quy mô và 02 dự án điều chỉnh tiến độ thực hiện); thu hồi 01 dự án. Lũy kế đến hiện nay có 91 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.910,38 ha.

c) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng 7 năm 2024, thành phố Cần Thơ cấp mới 1 dự án, vốn đăng ký 0,08 triệu USD. Có 1 dự án tăng vốn, vốn tăng thêm 0,36 triệu USD. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, thành phố cấp mới 02 dự án, vốn đăng ký 0,23 triệu USD, tăng vốn 1 dự án, vốn tăng thêm 0,36 triệu USD. Chấm dứt hoạt động 1 dự án, vốn đăng ký 0,15 triệu USD. Lũy kế đến nay, hiện có 82 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.275,41 triệu USD (Trong Khu Công nghiệp 29 dự án, tổng vốn đăng ký 612,33 triệu USD; ngoài Khu Công nghiệp 53 dự án, tổng vốn đăng ký 1.663,07 triệu USD).

d) Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁹: Tháng 7 năm 2024, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 134 doanh nghiệp các loại hình, với tổng vốn đăng ký 1.130 tỷ đồng, tăng 3,88% về số lượng doanh nghiệp và bằng 31,48% về vốn điều lệ; tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 14 doanh nghiệp, tăng 16,67%, đăng ký tạm ngưng hoạt động 98 doanh nghiệp, tăng 84,89% và đăng ký hoạt động trở lại 60 doanh nghiệp, gấp 3 lần so với tháng trước

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 997 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 9.563 tỷ đồng, tăng 37,95% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, có 110 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng 34,15% so với cùng kỳ; 761 lượt doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, tăng 41,19% so cùng kỳ. Ước tổng số có 303 lượt doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 10,58% so cùng kỳ.

e) Công tác giải ngân¹⁰: Tính đến ngày 19/7/2024, tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã giải ngân được 3.863,91 tỷ đồng (bao gồm cả tạm ứng), đạt 37,87% so với KH năm. Trong đó, các nguồn vốn đầu tư công do thành phố quản lý giải ngân được 3.252,98 tỷ đồng, đạt 36% so với KH năm 2024, cụ thể: Cấp thành phố giải ngân được 2.350,97 tỷ đồng, đạt 38,51%; cấp quận, huyện giải ngân được 749,95 tỷ đồng đạt 30,77%.

4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Hoạt động thương mại 7 tháng đầu năm tương đối ổn định, duy trì mức tăng doanh thu hầu hết các ngành kinh tế đều trên 10%, đặc biệt trong tháng 7 thành phố cũng diễn ra nhiều sự kiện nhằm thu hút khách du lịch nên doanh thu du lịch tăng cao so với tháng trước. Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,67% so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2024 ước tính đạt 11.353,42 tỷ đồng, tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 15,49% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 75.930,86 tỷ đồng, tăng 11,67% so với cùng kỳ. Phân theo ngành kinh tế như sau:

Bán lẻ hàng hóa: Tháng 7/2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.095,78 tỷ đồng, tăng 2,46% so với tháng trước, tăng 14,02% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng 6/2024, hầu hết doanh thu các nhóm hàng đều tăng, chỉ có 01 nhóm hàng giảm là Ô tô các loại (-2,71%) và nhóm Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng cao nhất so với các nhóm còn lại (+12,87%); so với cùng tháng năm trước, có 10/12 nhóm hàng tăng doanh thu và 02 nhóm còn lại giảm (Hàng may mặc giảm 28,51% và Đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 12,20%).

Tính chung 7 tháng năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 55.173,17 tỷ đồng, tăng 11,47% so cùng kỳ, với 03/12 nhóm hàng giảm doanh thu; 04/12 nhóm ngành hàng có mức tăng doanh thu dao động từ 5-9%; 02/12 nhóm có doanh thu tăng trên 10%; và 03/12 nhóm hàng tăng doanh thu trên 20%

⁹ Nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

¹⁰ Bảng tổng hợp tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch năm 2024 đến ngày 19/7/2024 của Kho bạc Nhà nước Cần Thơ.

cụ thể: Lương thực, thực phẩm tăng 21,48%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 26,49%; hàng hóa khác tăng 23,39%.

Lưu trú, ăn uống: Doanh thu lưu trú, ăn uống tháng 7/2024 ước đạt 1.514,26 tỷ đồng, tăng 6,15% so với tháng trước, tăng 19% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024, doanh thu lưu trú, ăn uống ước đạt 9.684,27 tỷ đồng, tăng 11,98% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú ước đạt 854,52 tỷ đồng, tăng 3,16% so với cùng kỳ, do thời gian lưu trú của các đoàn khách ngắn hơn so với cùng thời điểm của năm trước nên doanh thu tăng không cao so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống ước đạt 8.829,75 tỷ đồng, tăng 12,91% so với cùng kỳ năm trước.

Du lịch lữ hành: Tháng 7 được xem là tháng bắt đầu mùa cao điểm của du lịch trong năm, thời điểm này nhiều hoạt động du lịch hè trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã bắt đầu sôi động. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 7 năm 2024 ước đạt 84,59 tỷ đồng, tăng 14,40% so với tháng trước, tăng 51,41% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 391,73 tỷ đồng, tăng 57,22% so với cùng kỳ.

Dịch vụ khác: Doanh thu dịch vụ khác tháng 7/2024 ước đạt 1.658,79 tỷ đồng, tăng 7,81% so với tháng trước và tăng 18,26% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024, ước đạt 10.681,69 tỷ đồng, tăng 11,22% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ dịch vụ y tế tăng cao nhất (+26,64%).

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2024 (So với cùng kỳ)



5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chính sách cải cách tiền lương có hiệu lực từ 01/7/2024; nhiều công chức, viên chức, người lao động phấn khởi bởi thu nhập tăng lên để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa cũng một phần làm ảnh hưởng đến mức thu nhập của người dân, ít nhiều cũng tác động làm tăng/giảm đến giá cả hàng hóa và dịch vụ. Để đảm bảo công tác bình ổn thị trường, siêu thị Saigon Co.op thực hiện đảm bảo giá cả tốt nhất với hàng hóa chất lượng cho người tiêu dùng có thêm nhiều sự lựa chọn khi mua sắm, siêu thị luôn chủ động phối hợp các nhà cung cấp liên tục thực hiện các chương trình khuyến mãi tại 800 điểm bán trên toàn quốc.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 năm 2024 tăng 0,30% so với tháng trước; tăng 4,28% so với cùng kỳ năm trước, tăng 2,62% so với tháng 12 năm trước; chỉ số giá bình quân 7 tháng tăng 3,75% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Hình 5. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7 năm 2024



Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 8 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng giá so với tháng trước, cụ thể: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,13%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,09%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,42%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,01%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giao thông tăng 1,96%; giáo dục tăng 0,10%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 8,62%. Có 3 nhóm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng có chỉ số giá giảm so với tháng trước: May mặc, mũ nón, giày dép giảm 2,86%; bưu chính viễn thông giảm 0,01%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,68%.

Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 7 năm 2024

Các chương trình khuyến mãi giảm giá được triển khai nhằm kích cầu tiêu dùng cộng với chính sách giảm thuế VAT được áp dụng. Thêm vào đó, mức lương cơ sở tăng từ 01/7/2024 cũng phần nào tác động đến giá cả dịch vụ tiêu dùng, đặc biệt là sự tác động mạnh nhất đối với nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 8,62% chủ yếu do tăng mức phí đóng bảo hiểm y tế, nhóm giao thông tăng 1,96% chủ yếu do sự điều chỉnh giá xăng dầu của nhà điều hành trong nước. Các chương trình khuyến mãi giảm giá được hệ thống siêu thị Coop triển khai từ ngày 04 - 31/7/2024 đã tác động làm chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 2,86%, đặc biệt là nhóm hàng quần áo may sẵn được giảm giá rất sâu. Thời điểm nghỉ hè, là dịp để người dân đi du lịch, nghỉ dưỡng... nên các đơn vị kinh doanh tua du lịch đều triển khai các gói giảm giá ưu đãi nhằm kích cầu du lịch, điều này đã ảnh hưởng đến chỉ số giá nhóm văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,68% so với tháng trước.

Chỉ số giá vàng tăng 0,97% so với tháng trước, tăng 35,22% so với cùng tháng năm trước, tăng 23,44% so với tháng 12 năm trước. Giá vàng nhẫn SJC trên địa bàn thành phố ngày 21/7/2024 dao động quanh mức 7.700.000 đồng/chỉ.

Chỉ số giá đô la Mỹ giảm nhẹ 0,01% so với tháng trước, tăng 7,06% so với cùng tháng năm trước, tăng 4,24% so với tháng 12 năm trước. Giá đô la Mỹ ngày 21/7/2024 dao động quanh mức 25.458 đồng/USD.

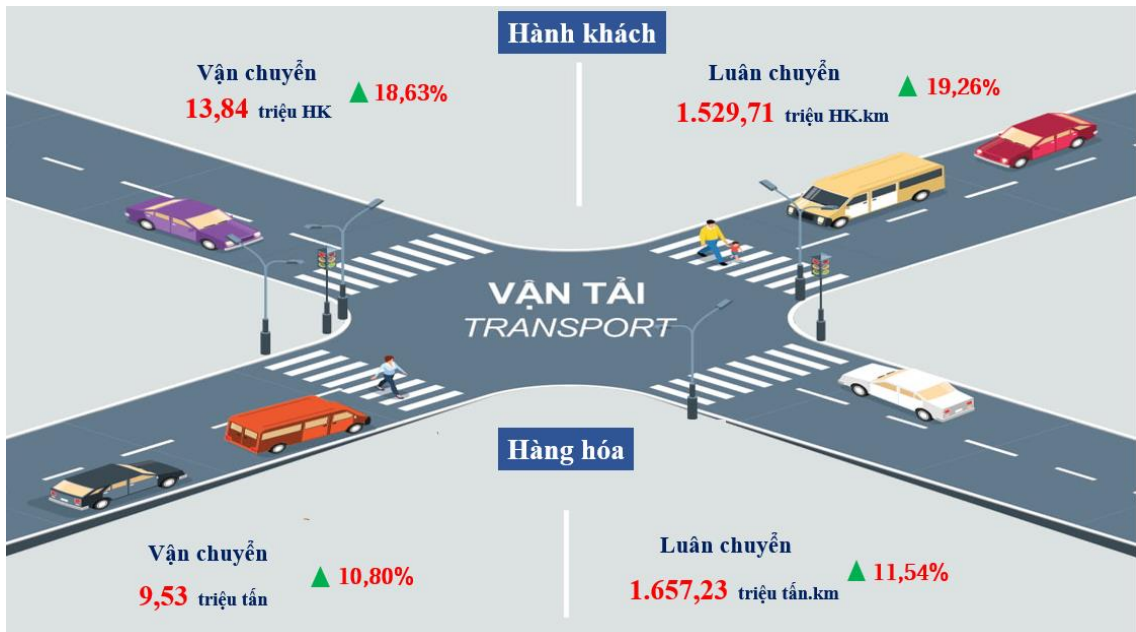
6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Doanh thu hoạt động vận tải trên địa bàn trong tháng Bảy có xu hướng giảm so với tháng trước, nhưng đều tăng so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024 doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tăng 12,24% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tăng cao nhất là dịch vụ hỗ trợ vận tải (+25,43%) và vận tải hành khách tăng thấp nhất so với các hoạt động vận tải khác (+1,89%).

Tháng 7 năm 2024, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 565,72 tỷ đồng, giảm 1,06% so tháng trước, tăng 10,01% so cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách đạt 145,57 tỷ đồng, giảm 5,36% so tháng trước, tăng 5,91% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 309,28 tỷ đồng, giảm 1% so tháng trước, tăng 11,69% so với cùng kỳ; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 91,51 tỷ đồng, tăng 7,84% so tháng trước, tăng 12,27% so với cùng kỳ; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 19,35 tỷ đồng, giảm 6,38% so tháng trước, tăng 5,45% so với cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 3.985,02 tỷ đồng, tăng 12,24% so với cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách đạt 1.040,19 tỷ đồng, tăng 1,89% so cùng kỳ; vận tải hàng hóa đạt 2.135,90 tỷ đồng, tăng 13,49%; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 658,82 tỷ đồng, tăng 25,43%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 150,11 tỷ đồng, tăng 22,69%.

Hình 6. Hoạt động vận tải 7 tháng năm 2024 (So với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển trong tháng 7/2024 ước đạt 2.174,16 nghìn hành khách, giảm 8,17% so với tháng trước và tăng 12,04% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 260.929,76 nghìn hành khách.km, giảm 2,56% so tháng trước, tăng 10,78% so với cùng kỳ. Tính

chung 7 tháng năm 2024, số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 13.849,07 nghìn hành khách, tăng 18,63% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 1.529.713,67 nghìn hành khách.km, tăng 19,26% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 7/2024, ước đạt 1.288,46 nghìn tấn, giảm 1,62% so với tháng trước và tăng 9,91% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 267.547,44 nghìn tấn.km, giảm 1,78% so tháng trước, tăng 9,37% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tính đạt 9.533,44 nghìn tấn, tăng 10,80% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 1.657.234,41 nghìn tấn.km, tăng 11,54% so với cùng kỳ.

Bưu chính, chuyển phát: Doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát tháng 7/2024 ước đạt 19,35 tỷ đồng, giảm 6,38% so tháng trước, tăng 5,45% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024 doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 150,11 tỷ đồng, tăng 22,69% so với cùng kỳ.

7. Tài chính, ngân hàng

Tình hình thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 20/7/2024 đạt 45,74% dự toán HĐND thành phố giao cao hơn cùng thời điểm năm trước, và thu nội địa tăng trên 18% so cùng kỳ, trong đó thu từ doanh nghiệp có VDT nước ngoài và ngoài nhà nước có tốc độ tăng khá cao.

a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 20/7/2024 đạt 8.797,66 tỷ đồng, bằng 45,74% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 16,93% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 6.115,94 tỷ đồng, bằng 50,43% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 18,37% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 389,17 tỷ đồng, đạt 34,29% dự toán, giảm 32,74% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 1.638,15 tỷ đồng, đạt 59,94% dự toán, tăng 35,66% so với cùng kỳ; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 677,43 tỷ đồng, đạt 58,91% dự toán, tăng 36,42% so với cùng kỳ.

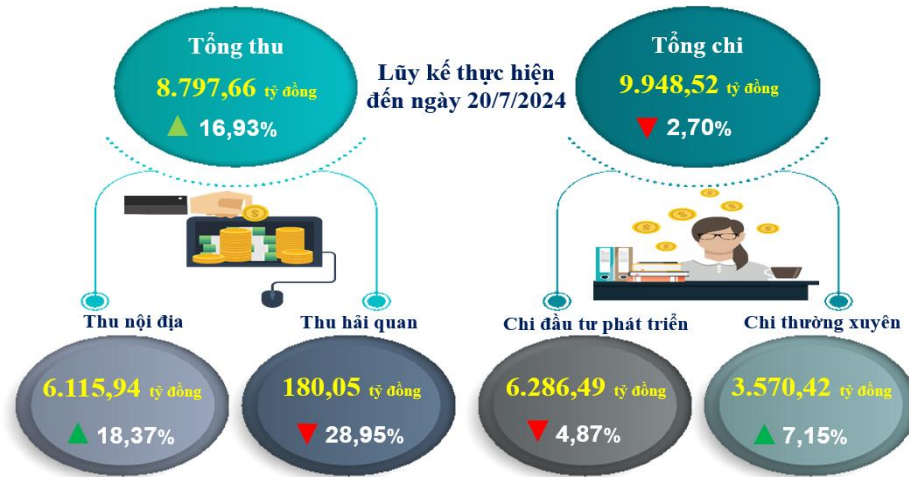
Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 180,05 tỷ đồng, bằng 56,62% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 28,95% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến ngày 20/7/2024 đạt 9.948,52 tỷ đồng, bằng 46,61% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 2,70% so với cùng kỳ. Trong đó:

Chi cho đầu tư phát triển đạt 6.286,49 tỷ đồng, đạt 46,78% dự toán, giảm 4,87% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên đạt 3.570,42 tỷ đồng, bằng 49,32% dự toán, tăng 7,15% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 1.449,63 tỷ đồng, bằng 48,65% so với dự toán và tăng 5,50% so với cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế đạt 256,10 tỷ đồng, bằng 67,62% so với dự toán và tăng 13,85% so với cùng kỳ.

Hình 7. Thu chi ngân sách nhà nước (So với cùng kỳ)



b) Ngân hàng

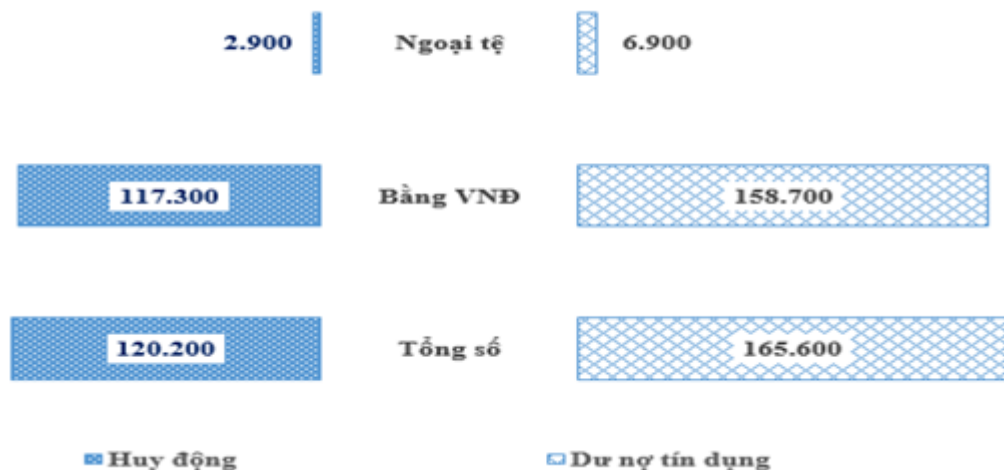
Hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn thành phố tiếp tục được duy trì ổn định. Vốn huy động và dư nợ cho vay đến cuối tháng 7/2024 đều tăng so với đầu năm; nợ xấu chiếm 2,72% trên tổng dư nợ cho vay.

Vốn huy động: Đến cuối tháng 7/2024, ước đạt 120.200 tỷ đồng, tăng 0,45% so với tháng 6/2024, tăng 2,08% so với đầu năm, trong đó:

Vốn huy động VNĐ là 117.300 tỷ đồng, chiếm 97,59%, tăng 0,41%; ngoại tệ là 2.900 tỷ đồng, chiếm 2,41%, tăng 2,36% so với đầu tháng.

Tiền gửi tiết kiệm là 71.200 tỷ đồng, chiếm 59,23%, tăng 0,39%; tiền gửi thanh toán là 47.300 tỷ đồng, chiếm 39,35%, tăng 0,41%; phát hành giấy tờ có giá là 1.700 tỷ đồng, chiếm 1,41%, tăng 4,42% so với đầu tháng.

Hình 8. Hoạt động ngân hàng (Tính đến cuối tháng 7/2024)



Hoạt động tín dụng: Đến tháng 7/2024, tổng dư nợ cho vay ước đạt 165.600 tỷ đồng, tăng 0,48% so với tháng 6/2024, tăng 5,85% so với đầu năm. Nợ xấu là 4.500 tỷ đồng, chiếm 2,72% tổng dư nợ.

Theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 158.700 tỷ đồng, chiếm 95,83%, tăng 0,43% so với đầu tháng; dư nợ cho vay ngoại tệ 6.900 tỷ đồng, chiếm 4,17% tổng dư nợ cho vay, tăng 1,77% so với đầu tháng.

Theo thời hạn: Dư nợ cho vay ngắn hạn 104.000 tỷ đồng, chiếm 62,80%, tăng 0,63% so với đầu tháng; dư nợ cho vay trung dài hạn 61.600 tỷ đồng, chiếm 37,20% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,24% so với đầu tháng.

8. Các vấn đề xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X - năm 2024 (vòng khu vực tại tỉnh Bến Tre). Kết quả đạt 13 huy chương vàng, 10 huy chương bạc và 21 huy chương đồng (xếp thứ 06/13 đơn vị dự thi)¹¹. Tổ chức tổng kết và trao giải Cuộc thi “Sáng kiến đảm bảo trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường” cấp thành phố: cấp TH có 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 05 giải Khuyến khích; cấp THCS có 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 05 giải Khuyến khích; cấp THPT có 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 03 giải Khuyến khích; đồng thời chọn 15 tác phẩm đoạt giải Nhất, Nhì, Ba và gửi tham dự cấp quốc gia.

Tổ chức thành công Kỳ thi thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT chung của thành phố đạt 99,06%, cao hơn 0,64 điểm phần trăm so với năm 2023 (98,42%). Cụ thể, tỷ lệ tốt nghiệp (không tính thí sinh tự do) đạt 99,20%, tỷ lệ tốt nghiệp hệ giáo dục phổ thông đạt 99,77%, tỷ lệ tốt nghiệp hệ giáo dục thường xuyên đạt 92,94%. Kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy định, không có thí sinh, cán bộ coi thi vi phạm quy định thi; không có tình trạng ùn tắc giao thông trước và sau các buổi thi.

Hình 9. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2024 của Thành phố Cần Thơ



b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

Tình hình dịch bệnh: Tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/7/2024, thành phố Cần Thơ ghi nhận 26 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 19 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong, lũy tích từ đầu năm đến thời điểm báo cáo

¹¹ Tổng điểm 841 điểm, xếp thứ 05/13 đơn vị dự thi.

ghi nhận 324 trường hợp mắc, giảm 01 trường hợp tử vong và giảm 841 trường hợp mắc so cùng kỳ năm 2023; tay chân miệng ghi nhận 121 trường hợp mắc, giảm 23 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 616 trường hợp mắc, không có tử vong, giảm 215 trường hợp so cùng kỳ; sởi và sốt phát ban nghi sởi không ghi nhận trường hợp mắc, giảm 01 trường hợp so với tháng trước; tiêu chảy 1.317 trường hợp, tăng 1,07% so với tháng trước.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Trong tháng không ghi nhận trường hợp mắc. Lũy tích từ đầu năm đến nay không ghi nhận trường hợp mắc.

Công tác y tế dự phòng khác: Tiếp tục theo dõi, sát tình hình dịch bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, bệnh đậu mùa khỉ ở người, dịch bệnh cúm A, bạch hầu,... Triển khai Công văn số 2870/UBND-KGVX ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Công điện số 840/CD-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh mùa hè 2024.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Trong tháng, phát hiện 20 trường hợp nhiễm mới, không ghi nhận trường hợp tử vong. Trong 7 tháng đầu năm, phát hiện 115 trường hợp, tử vong 5 trường hợp, điều trị ARV cho 207 trường hợp, điều trị Methadone cho 303 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Ngành Y tế đã cấp 70 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (07 cơ sở sản xuất, 63 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống).

c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)¹²

Văn hóa: Triển khai thực hiện chủ đề năm 2024 của thành phố “*Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trọng điểm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố*”.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, Khu vực văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm việc thực hiện Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Thành ủy Cần Thơ và Hợp mặt kỷ niệm 23 năm ngày Gia đình Việt Nam 28 tháng 6 năm 2024.

Thư viện: Mạng lưới thư viện công cộng toàn thành phố bổ sung 5.828 bản sách, phục vụ 632.810 lượt bạn đọc và 1.282.720 lượt tài nguyên thông tin.

¹² Theo Báo cáo số 2640/BC-SVHTTDL ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Công tác văn hóa, thể thao và du lịch tháng 7 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 8 năm 2024.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tham mưu triển khai thực hiện các nội dung liên quan di tích Lộ Vòng Cung Cần Thơ và các văn bản chỉ đạo kết luận của Thường trực Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố về công tác bảo tồn, phát huy các di tích trên địa bàn thành phố; thẩm định và thực hiện các nội dung liên quan công tác tổ chức trưng bày chuyên đề Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ và phong trào cách mạng ở Cần Thơ.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Tiếp tục phối hợp cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu công tác chuẩn bị tổ chức các hoạt động nghệ thuật trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm 79 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2024) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024) và 80 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 35 năm Ngày Hội quốc phòng toàn dân về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024) và 35 năm Ngày Hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2024).

Nhà hát Tây Đô: Tổ chức biểu diễn 07 suất và phục vụ khoảng 2.450 lượt người xem.

Thể dục, thể thao (TDTT) quần chúng: Trình UBND thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ, đào tạo trình độ Đại học đối với vận động viên thể thao thành tích cao tại Tờ trình số 2405/TTr-SVHTTDL ngày 27/6/2024. Vào ngày 07/7/2024, Liên đoàn Võ thuật cổ truyền thành phố Cần Thơ tổ chức kỳ thi thăng cấp đai thành phố Cần Thơ và thi 1 đẳng, 2 đẳng quốc gia mở rộng lần thứ I năm 2024¹³.

Thể thao thành tích cao: Tính đến 7/2024, 20 môn thể thao cấp quốc gia, đạt 100% kế hoạch năm; số VĐV đạt đẳng cấp quốc gia 121 VĐV, đạt 96% kế hoạch năm; 321 học sinh năng khiếu chính thức, đạt 101,1% kế hoạch năm, 17 trưởng đoàn, 131 HLV, 674 VĐV (287 nữ) tham dự 53 giải thể thao, đạt 261 huy chương các loại: 65 HCV - 79 HCB - 117 HCD, đạt 47,3% kế hoạch năm (Trong đó đạt 02 HCV Giải vô địch và vô địch trẻ Judo Đông Nam Á tại Indonesia; 01 HCB, 01 HCD tại giải Giải vô địch Karate Đông Nam Á năm 2024 tại Thái Lan; 01 HCV, 10 HCB, 05 HCD tại giải vô địch quốc gia môn Điền kinh người khuyết tật năm 2024 tại TP. Hồ Chí Minh; 01 HCD giải Vô địch Boxing U22 và Trẻ Châu Á năm 2024; 01 HCV, 02 HCB, 01 HCD Giải Vô địch Cờ vua Trẻ Châu Á tại Kazakhstan).

d) Chính sách lao động - xã hội¹⁴

Lĩnh vực lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 15.996 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 2.207 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 220 lượt người; thông qua các hình thức như:

¹³ Với 212 võ sinh tham gia của các đơn vị (TP.HCM, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, ...).

¹⁴ Theo Báo cáo số 2526/BC-SLĐTBXH ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Kết quả thực hiện công tác Lao động, Người có công và Xã hội tháng 7 năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ tháng 8 năm 2024.

Gián tiếp qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, mã QR của Trung tâm; trực tiếp qua các Ngày Gặp gỡ nhà tuyển dụng tại Trung tâm; phối hợp các Trung tâm Dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố tổ chức Phiên Giao dịch việc làm trực tuyến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam bộ và các tỉnh, thành phố lân cận quý II năm 2024. Thực hiện thu thập 1.563 chỗ việc làm trống của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát, cập nhật từ các kênh tuyển dụng của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Trung tâm đã thực hiện thu thập thông tin của 950 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm thống kê thực trạng thị trường lao động do Trung tâm quản lý. Số lượng hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong kỳ báo cáo 1.383 hồ sơ, giảm 39,71% so với tháng trước.

Thực hiện chính sách Người có công: Toàn thành phố hiện có 4.920 đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng kinh phí gần 11 tỷ đồng¹⁵; trong đó có 20 Mẹ Việt Nam anh hùng, còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng. Đã cập nhật dữ liệu 4.218/4.920 đối tượng người có công với cách mạng, đạt tỷ lệ 85,73%.

Lĩnh vực xã hội: Thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên ngoài cộng đồng cho 42.647 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền hơn 24,791 tỷ đồng¹⁶.

e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/7/2024) trên địa bàn thành phố đã xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 15 người, 13 người bị thương (giảm 01 vụ, giảm 04 người chết, tăng 10 người bị thương so với cùng kỳ). Lũy kế 7 tháng xảy ra 174 vụ tai nạn giao thông, làm 88 người chết, 130 người bị thương (so với cùng kỳ: tăng 26 vụ, giảm 9 người chết, tăng 58 người bị thương).

Hình 10. Tình hình tai nạn giao thông tháng 7 năm 2024



¹⁵ Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt (lũy kế từ tháng 01/2024 đến nay), đã mở thẻ ATM cho 1.728/4.920 đối tượng người có công với cách mạng, đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho 1.728 đối tượng người có công với số tiền 3,759 tỷ đồng, đạt tỷ lệ số đối tượng được chi trả qua tài khoản là 35,12%.

¹⁶ Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt: đã mở thẻ ATM và chi trả không dùng tiền mặt cho 8.056/42.649 đối tượng bảo trợ xã hội ngoài cộng đồng, kinh phí thực hiện chi trả lũy kế đến thời điểm báo cáo với tổng kinh phí hơn 45,907 tỷ đồng, đạt tỷ lệ số đối tượng được chi trả qua tài khoản là 18,89%.

Từ ngày 15/6/2024 đến 14/7/2024, trên địa bàn thành phố Cần Thơ không xảy ra cháy, nổ; so với tháng trước giảm 03 vụ. Lũy kế 7 tháng/2024, xảy ra 12 vụ cháy, làm 01 người chết và 3 người bị thương, tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 16.496,5 triệu đồng./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTTK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục (để b/cáo);
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Đăng Thanh Phong

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 7 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính 7 tháng năm 2024	7 tháng năm 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)	
1	Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	106,22
2	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	4.034.080	107,88
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	75.930.863	111,67
4	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	103,75
5	Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	3.985.021	112,24
6	Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 20/7/2024)	Triệu đồng	8.797.660	116,93
7	Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 20/7/2024)	Triệu đồng	9.948.523	97,30

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 7 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	<i>Ha; %</i> Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Diện tích gieo trồng cây hàng năm			
Lúa	205.479	207.188	100,83
Lúa đông xuân	75.028	72.813	97,05
Lúa hè thu	72.956	71.280	97,70
Lúa thu đông	57.495	63.095	109,74
Các loại cây khác	12.091	10.845	89,69
Ngô	746	681	91,29
Rau các loại	8.634	7.770	89,99
Đậu các loại	683	717	104,98
Cây màu khác	2.028	1.677	82,69

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%			
	Thực hiện tháng 6/2024 so với cùng kỳ	Ước tính tháng 7/2024 so với tháng trước	Ước tính tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2024 với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	96,39	104,82	113,43	106,22
Khai khoáng	-	-	-	-
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	-	-	-	-
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	95,43	105,38	115,60	106,14
Sản xuất chế biến thực phẩm	83,37	102,92	119,34	99,61
Sản xuất đồ uống	119,54	92,73	114,20	106,28
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	110,18	97,12	101,78	117,41
Dệt	86,78	102,09	76,68	97,07
Sản xuất trang phục	147,44	107,40	163,52	166,55
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	106,40	110,63	114,24	116,84
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);
sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	92,36	95,51	123,39	101,58
In, sao chép bản ghi các loại	118,46	101,79	110,09	116,72
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hóa chất	88,59	107,16	102,93	95,17
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	121,76	103,21	100,10	96,30
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	117,19	99,91	124,61	125,05
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	99,31	101,21	102,01	99,75
Sản xuất kim loại	188,70	113,33	180,26	110,06
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	169,40	96,58	126,35	125,33
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học
Sản xuất thiết bị điện
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	25,34	128,87	79,49	61,10
Sản xuất xe có động cơ
Sản xuất phương tiện vận tải khác
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	147,63	112,88	67,70	125,42
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	97,76	104,28	99,15	98,82
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	102,11	101,73	102,63	107,12
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	98,99	102,85	104,70	101,59
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,94	101,04	107,23	104,72
Thoát nước và xử lý nước thải
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	97,69	104,10	103,07	99,53
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6/2024	Ước tính tháng 7/2024	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2024	Tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối 7/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	28.545	30.325	158.771	205,77	129,27
- Tôm đông lạnh	Tấn	3.149	3.006	17.589	95,67	104,28
- Xay xát gạo	Tấn	399.966	414.018	2.607.974	111,01	100,94
- Thức ăn gia súc	Tấn	42.366	44.239	294.624	114,75	121,57
- Thức ăn thủy sản	Tấn	53.739	52.860	363.383	78,25	72,03
- Bia đóng lon	1.000 Lít	2.950	3.248	19.528	136,82	97,45
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lít	24.305	21.969	154.319	112,05	107,50
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	10.176	9.883	76.913	101,78	117,41
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	3.153	3.300	18.119	123,32	102,44
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	524	560	3.988	185,43	195,04
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	178	150	944	300,00	198,00
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	3.644	3.456	23.194	124,00	106,93
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	472	490	3.876	100,82	99,03
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	898	866	7.909	140,87	205,66
- Xi măng	1.000 Tấn	142	142	995	98,93	98,45
- Sắt thép	Tấn	16.667	18.889	74.191	180,26	110,06
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	1.033	998	7.204	126,35	125,33
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	288	287	1.918	109,06	112,28
- Nước uống được	1.000 M3	4.695	4.744	33.249	107,23	104,72
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	21.429	22.321	128.146	139,69	124,35

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện tháng 6 năm 2024	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng năm 2024	Triệu đồng; %	
					So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 7 năm 2024	7 tháng năm 2024
TỔNG SỐ	8.878.571	681.302	715.637	4.034.080	108,88	107,88
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	5.946.738	483.328	507.418	2.745.900	105,76	106,40
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	895.709	52.663	58.730	370.636	74,76	74,84
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	620.302	21.212	25.768	180.525	96,04	167,29
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.955.000	162.509	164.850	1.061.369	120,82	128,26
Vốn nước ngoài (ODA)	40.160	2.442	2.641	17.852	7,92	15,77
Xổ số kiến thiết	1.068.731	78.106	84.324	462.382	104,49	84,54
Vốn khác	1.987.138	187.608	196.873	833.661	130,64	139,44
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	2.931.833	197.974	208.219	1.288.180	117,30	111,16
Vốn cân đối ngân sách huyện	2.193.111	140.480	146.832	877.791	139,19	131,26
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	1.549.698	81.913	84.522	511.419	258,85	195,71
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	738.722	57.494	61.387	410.389	85,23	83,74
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

6. Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

Dự án

	Số dự án cấp phép mới tháng 6/2024	Số dự án cấp phép mới tháng 7/2024	Lũy kế số dự án cấp phép mới từ đầu năm đến tháng 7/2024
TỔNG SỐ	-	1	2
Phân theo ngành kinh tế			
Hoạt động tư vấn quản lý	-	-	1
Nuôi trồng thủy sản nội địa	-	1	1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Hoa Kỳ	-	-	1
Ý	-	1	1

7. Vốn đăng ký và vốn bổ sung của dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

Triệu USD

	Số vốn tháng 6/2024	Số vốn tháng 7/2024	Lũy kế vốn từ đầu năm đến tháng 7/2024
TỔNG SỐ	-	0,08	0,23
Phân theo ngành kinh tế			
Hoạt động tư vấn quản lý	-	-	0,15
Nuôi trồng thủy sản nội địa	-	0,08	0,08
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Hoa Kỳ	-	-	0,15
Ý	-	0,08	0,08

8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 năm 2024	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng đầu năm 2024	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	7.901.262	8.095.784	55.173.170	114,02	111,47
Lương thực, thực phẩm	2.696.722	2.764.883	18.376.467	122,52	121,48
Hàng may mặc	185.151	195.133	1.438.037	71,49	75,58
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	812.501	831.926	5.977.623	104,38	105,63
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	142.554	142.663	830.917	134,66	126,49
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.099.595	1.116.164	8.052.007	114,80	113,58
Ô tô các loại	755.373	734.875	4.508.056	131,91	107,12
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	245.682	262.234	1.879.604	106,13	95,06
Xăng, dầu các loại	1.158.991	1.184.157	7.979.733	114,21	109,98
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	95.863	97.159	692.997	106,89	115,20
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	265.301	299.455	2.365.336	87,80	98,19
Hàng hóa khác	314.054	323.278	2.157.020	110,35	123,39
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	129.474	143.856	915.374	111,38	106,52

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 năm 2024	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng đầu năm 2024	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.426.525	1.514.256	9.684.272	119,00	111,98
Dịch vụ lưu trú	106.421	123.615	854.520	88,85	103,16
Dịch vụ ăn uống	1.320.103	1.390.641	8.829.752	122,70	112,91
Du lịch lữ hành	73.945	84.591	391.735	151,41	157,22
Dịch vụ khác					

10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 năm 2024	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng đầu năm 2024	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	10.940.316	11.353.418	75.930.863	115,49	111,67
Bán lẻ hàng hóa	7.901.262	8.095.784	55.173.170	114,02	111,47
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.426.525	1.514.256	9.684.272	119,00	111,98
Du lịch lữ hành	73.945	84.591	391.735	151,41	157,22
Dịch vụ khác	1.538.585	1.658.787	10.681.687	118,26	111,22

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 7/2024 so với:				Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	113,94	104,28	102,62	100,30	103,75
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,39	105,34	103,36	100,13	104,24
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	132,76	114,98	101,49	99,89	115,79
Thực phẩm	117,31	103,30	102,82	100,24	101,97
Ăn uống ngoài gia đình	121,33	105,69	105,08	100,00	104,30
Đồ uống và thuốc lá	110,76	102,12	101,40	100,09	102,50
May mặc, mũ nón và giày dép	100,35	95,68	95,23	97,14	99,16
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	114,33	106,02	104,09	100,42	104,38
Thiết bị và đồ dùng gia đình	110,52	100,82	100,74	100,01	101,09
Thuốc và dịch vụ y tế	105,23	103,53	100,17	100,01	104,13
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	106,05	104,63	100,13	100,00	104,99
Giao thông	112,74	104,33	102,88	101,96	103,11
Bưu chính viễn thông	95,78	99,46	100,33	99,99	98,51
Giáo dục	112,11	110,05	106,13	100,10	106,90
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	111,55	111,51	107,20	100,00	107,49
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,75	100,87	99,64	98,32	105,62
Hàng hóa và dịch vụ khác	133,79	112,61	110,33	108,62	110,68
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	195,33	135,22	123,44	100,97	126,71
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	109,35	107,06	104,24	99,99	105,73

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Triệu đồng</i>				
	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng đầu năm 2024	Tháng 7 năm 2024 so với tháng trước (%)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	565.718	3.985.021	98,94	110,01	112,24
Vận tải hành khách	145.572	1.040.191	94,64	105,91	101,89
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	3.295	39.060	44,27	43,48	13,97
Đường thủy nội địa	3.345	26.708	76,20	113,97	136,12
Đường bộ	138.932	974.424	97,85	109,45	135,05
Hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	309.279	2.135.899	99,00	111,69	113,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	4.643	22.637	144,38	84,81	90,59
Đường thủy nội địa	77.944	581.184	95,89	102,90	115,38
Đường bộ	226.692	1.532.079	99,47	115,84	113,22
Hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	91.513	658.818	107,84	112,27	125,43
Bưu chính, chuyển phát	19.354	150.112	93,62	105,45	122,69

13. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 7 năm 2024	Ước tính 7 tháng đầu năm 2024	Tháng 7 năm 2024 so với tháng trước (%)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	2.174,16	13.849,07	91,83	112,04	118,63
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5,52	59,78	48,12	47,27	11,40
Đường thủy nội địa	625,71	4.824,29	79,98	114,16	115,50
Đường bộ	1.542,92	8.965,00	98,03	111,74	128,57
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	260.929,76	1.529.713,67	97,44	110,78	119,26
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	998,95	10.804,04	48,13	47,27	11,57
Đường thủy nội địa	1.402,03	10.148,13	74,01	108,33	129,14
Đường bộ	258.528,78	1.508.761,50	97,99	111,37	127,70
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	1.288,46	9.533,44	98,38	109,91	110,80
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	8,61	45,23	147,35	86,55	92,00
Đường thủy nội địa	604,52	4.682,02	96,48	104,56	116,10
Đường bộ	675,32	4.806,20	99,72	115,60	106,27
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	267.547,44	1.657.234,41	98,22	109,37	111,54
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	7.878,12	42.631,43	122,50	71,95	88,28
Đường thủy nội địa	102.602,36	768.571,42	94,79	101,82	112,29
Đường bộ	157.066,97	846.031,56	99,59	118,17	112,35
Hàng không	-	-	-	-	-

14. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Triệu đồng

	TH 6 tháng năm 2024	TH 20 ngày tháng 7 năm 2024	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 7 năm 2024	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.414.818	382.842	8.797.660	45,74	116,93
A. Thu NSNN theo dự toán được giao (I+II)	5.979.856	316.127	6.295.983	50,59	116,16
I. Thu nội địa	5.812.825	303.112	6.115.937	50,43	118,37
1. Thu từ DNNN	342.100	47.073	389.173	34,29	67,26
2. Thu từ DN có vốn ĐTNN	672.264	5.165	677.429	58,91	136,42
3. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài QD	1.548.612	89.534	1.638.146	59,94	135,66
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	69	69	-	20,84
5. Thuế thu nhập cá nhân	737.280	36.958	774.238	63,99	104,79
6. Lệ phí trước bạ	212.141	20.455	232.596	48,46	97,75
7. Thuế bảo vệ môi trường	391.643	6.918	398.561	61,32	128,91
8. Thu phí, lệ phí	118.631	10.473	129.104	61,48	102,09
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	27.782	969	28.751	83,10	91,67
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	81.196	7.120	88.316	50,47	178,33
11. Tiền sử dụng đất	450.446	52.195	502.640	22,69	146,69
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	4.344	-	4.344	8,69	107,10
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.282	382	4.664	38,87	104,73
14. Thu khác ngân sách	156.407	21.820	178.227	68,55	85,34
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	280	3.981	4.261	35,51	...
16. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	1.065.415	-	1.065.415	59,19	128,31
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	167.031	13.015	180.046	56,62	71,05
B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt	351.395	57.154	408.549	18,44	131,10
C. Các khoản huy động, đóng góp	1.925	-	1.925	-	56,44
D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.077.119	9.561	2.086.680	58,49	132,52
E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách	4.523	-	4.523	-	2,11

15. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

Triệu đồng

	TH 6 tháng năm 2024	TH 20 ngày tháng 7 năm 2024	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 7 năm 2024	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng chi ngân sách địa phương	9.274.944	673.579	9.948.523	46,61	97,30
I. Chi đầu tư phát triển	6.031.642	254.843	6.286.485	46,78	95,13
II. Chi thường xuyên	3.151.687	418.736	3.570.423	49,32	107,15
<i>Trong đó:</i>					
- Chi quốc phòng và an ninh:	116.545	13.933	130.478	66,56	118,70
+ Quốc phòng	98.689	10.986	109.675	75,20	119,76
+ An Ninh	17.856	2.947	20.803	41,45	113,39
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.254.097	195.532	1.449.629	48,65	105,50
- Sự nghiệp y tế	232.786	23.313	256.099	67,62	113,85
- Chi đảm bảo xã hội	300.153	37.929	338.082	75,44	108,40
- Chi quản lý hành chính	437.035	50.401	487.436	57,82	113,17
- Chi khác ngân sách	33.660	127	33.787	6,84	38,60
- Chi ngân sách xã	363.172	53.258	416.430	57,31	116,79
III. Dự phòng ngân sách					
IV. Chi trả nợ lãi	33.620	-	33.620	20,25	112,00
V. Chi trả nợ gốc	53.470	-	53.470	51,07	133,65
VI. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	4.524	-	4.524	-	2,11

16. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	23	174	85,19	95,83	117,57
Đường bộ	23	171	88,46	95,83	117,12
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	3	-	-	150,00
Số người chết (Người)	15	88	100,00	78,95	90,72
Đường bộ	15	87	107,14	78,95	91,58
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	50,00
Số người bị thương (Người)	13	130	108,33	433,33	180,56
Đường bộ	13	129	108,33	433,33	179,17
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	1	-	-	-
Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	12	-	-	200,00
Số người chết (Người)	-	1	-	-	100,00
Số người bị thương (Người)	-	3	-	-	300,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	16.496,50	-	-	734,81